TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/DS-ST
Ngày 14 - 7- 2026
"V/v tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng dịch vụ vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Đình Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Quang Chỉnh và bà Hà Thị Thu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Hoàng Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Vũ Đức Hạnh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2026/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2026 về "tranh chấp hợp đồng dịch vụ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2026/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2026/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/QĐST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Hoàng Quốc T, sinh năm 1972; số CCCD: 022072010999; nơi cư trú: khu B (nay là khu phố T), phường M, tỉnh Quảng Ninh; nơi tạm trú: thôn Đ, xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn*: anh Đỗ Quốc V, sinh năm 1987, số CCCD: 022087007996; nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2025, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 18/12/2025, bản tự khai ngày 20/3/2026 nguyên đơn trình bày: anh và anh Đỗ Quốc V có quen biết nhau, anh có xưởng sản xuất nhựa gần xưởng gỗ của anh V. Ngày 31/8/2023, anh có qua làm việc và trao đổi với anh V về việc góp vốn sử dụng chung trạm điện tại xã Q, tỉnh Quảng Ninh, để khai thác điện năng phục vụ sản xuất, việc thỏa thuận bằng miệng, không lập văn bản. Theo thỏa thuận, anh được khai thác ½ công suất của trạm điện, thời gian khai thác không giới hạn, hình thức đóng tiền theo các mốc với tổng thời gian là 03 năm, mỗi năm đưa cho anh V là 100.000.000

đồng. Sau đó, anh đã đưa tiền cho anh V 03 lần với tổng số tiền 150.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 31/8/2023: đưa 50.000.000 đồng.

- Ngày 03/9/2023: đưa tiếp 50.000.000 đồng.

- Ngày 26/9/2023: đưa tiếp 50.000.000 đồng.

Sau khi đạt được thỏa thuận, anh đấu nối đường dây vào trạm điện của anh V và sự dụng từ tháng 8/2023 đến tháng 11/2023, quá trình sử dụng điện anh đều đóng tiền đầy đủ theo yêu cầu của anh V. Tuy nhiên, đến tháng 11/2023 anh V không thực hiện đúng thỏa thuận tự ý cắt điện, không cho anh sử dụng chung trạm điện nói trên, cũng không hoàn trả số tiền đã nhận. Anh đã nhiều lần yêu cầu anh V thực hiện cam kết hoặc hoàn trả lại tiền, nhưng anh V không hợp tác, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi và tài sản của anh. Do vậy, anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng, buộc anh V phải hoàn trả số tiền đã nhận là 150.000.000 đồng, buộc anh V phải bồi thường thiệt hại cho anh do phải thuê mặt bằng và máy do không có điện để sản xuất, tiền thuê đất 5.500.000 đồng/tháng, tính đến thời điểm khởi kiện là 02 năm 02 tháng 20 ngày, số tiền gây thiệt hại là 149.600.000 đồng.

Ngày 12/3/2026, Tòa án tiến hành thủ tục tống đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho bị đơn Đỗ Quốc V, tại nhà riêng của anh V địa chỉ thôn Đ, xã Q, tỉnh Quảng Ninh, Tòa án đề nghị anh V viết bản tự khai trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh V trình bày hạn chế về trình bày văn bản, anh V đề nghị Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh V ngoài trụ sở Tòa án có sự chứng kiến của ông Phạm Như T1, Bí thư Chi bộ - Trưởng thôn Đông, xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2026, bị đơn trình bày: anh và anh T có mối quan hệ quen biết, đã từng hợp tác làm ăn, anh được Điện lực Q cung cấp điện (theo mã điện lực số: PA03DH0010687) để sử dụng vào xưởng gỗ dăm, anh T có xây dựng xưởng nhựa ngay cạnh xưởng của anh và có nhu cầu sử dụng trạm điện chung với anh, anh đồng ý. Anh và anh T thỏa thuận góp vốn cùng sử dụng trạm điện, việc thỏa thuận chỉ bằng miệng, không lập văn bản, vốn góp tổng là 600.000.000 đồng, theo đó anh góp 300.000.000 đồng và anh T góp 300.000.000 đồng để cùng sử dụng trạm điện. Quá trình thực hiện thỏa thuận anh T có đưa cho anh tổng số tiền là: 150.000.000 đồng, được đưa thành 3 lần, cụ thể như sau:

- Ngày 31/8/2023, anh T đưa 50.000.000 đồng.

- Ngày 03/9/2023, anh T đưa tiếp 50.000.000 đồng.

- Ngày 26/9/2023, anh T đưa tiếp 50.000.000 đồng.

Sau đó anh T không đưa thêm cho anh khoản nào khác, anh T còn thiếu số tiền là: 150.000.000 đồng, như vậy anh T đã vi phạm thỏa thuận. Mặc dù anh T không góp đủ vốn vào trạm điện nhưng anh T vẫn sử dụng điện và không trả tiền cho anh, nay anh T khởi kiện yêu cầu anh trả lại số tiền 150.000.000 đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại, anh không đồng ý, bởi lẽ anh T đã sử dụng điện vượt quá số tiền anh T đã đưa cho anh.

Sau khi ghi đầy đủ ý kiến của bị đơn Đỗ Quốc V, bị đơn cũng đã được nghe, đọc lại và công nhận biên bản ghi đúng ý kiến của mình, tuy nhiên bị đơn không ký vào biên bản, dưới sự chứng kiến của ông Phạm Như T1, Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự việc để làm cơ sở giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn Đỗ Quốc V nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Trước khi mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn có văn bản đề nghị không tiến hành hòa giải và rút yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 149.600.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng góp vốn sử dụng điện giữa anh và bị đơn vô hiệu, do bị đơn anh V không được phép thực hiện các hoạt động điện lực, vi phạm Luật Điện lực và yêu cầu xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu, về xác định lỗi, cả hai đều có lỗi như nhau trong việc để hợp đồng vô hiệu, do đó nguyên đơn không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ ba, nhưng vắng mặt không có lý do.

* Kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ:

- Về xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản góp vốn: ngày 23/4/2026 Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ kết quả: trạm biến áp 560KVA-35/0,4kv được đấu nối từ cột 29-4/373 E5.42 nằm trong khuôn viên xưởng băm gỗ keo của hộ kinh doanh Đỗ Quốc V, công suất 440kw. Hiện trạng có 01 hệ thống đường dây điện (không được đấu nối với trạm biến áp) từ trạm biến áp về xưởng sản xuất nhựa của anh Hoàng Quốc T, độ dài khoảng 100m. Xưởng sản xuất nhựa của anh Hoàng Quốc T có địa chỉ tại: số A thôn Đ, xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Tại thời điểm xem xét, thẩm định nhà xưởng có 02 máy ép định hình phao nhựa HDPE, có thông số kỹ thuật như nhau, cụ thể như sau:

- Model Number: LT-1282

- Machine Power: 7.5KW/1.2Mpa.

- Voltage: 380V/50Hz.

- Serial Number: 180615000.

- Manufacture Date: 2018 - 08.

- Về yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu chứng cứ: ngày 26/5/2026 Điện lực H - Công ty Q cung cấp cho Tòa án hóa đơn giá trị gia tăng tiền điện mã khách hàng PA03DH0010687 Đỗ Quốc V từ tháng 8 đến tháng 12/2023 thể hiện: điện tiêu thụ tháng 7/2023 là 70.247142 đồng; điện tiêu thụ tháng 8/2023 là 28.322.190 đồng; điện tiêu thụ tháng 9/2023 là 43.256.970 đồng; điện tiêu thụ tháng 10/2023 là 67.130.100 đồng; điện tiêu thụ tháng 11/2023 là 50.772.848 đồng. Ngày 25/5/2026, Điện lực H cung cấp thông tin trạm biến áp 560KVA-35/0,4kv thuộc quyền sở hữu của anh Đỗ Quốc V theo Hợp đồng chuyển nhượng trạm điện số: 01/HĐCNTĐ ngày 07/7/2023 giữa Công ty cổ phần C và ông Đỗ Quốc V. Ngày 17/7/2023 Tổng công ty Đ (EVNNPC) có ký kết với ông Đỗ Quốc V hợp đồng mua

bán điện ngoài mục đích sinh hoạt số: 23000086/EVN NPC/HĐMBĐNMĐSH, đến ngày 12/12/2024 Tổng công ty Đ (EVNNPC) ký lại với ông Đỗ Quốc V hợp đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt số: 24000113/EVN NPC/HĐMBĐNMĐSH.

- Về thực hiện biện pháp đối chất: ngày 26/5/2026 Tòa án tổ chức phiên đối chất giữa nguyên đơn Hoàng Quốc T và bị đơn Đỗ Quốc V, kết quả bị đơn vắng mặt không có lý do. Phiên đối chất không thực hiện được.

* Các sự kiện không phải chứng minh: hai đương sự xác lập thỏa thuận góp vốn sử dụng chung trạm điện trạm biến áp 560KVA-35/0,4kv, địa chỉ tại xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Nguyên đơn đã đưa tiền và bị đơn đã nhận tiền tổng số 150.000.000 đồng.

* Các tình tiết các đương sự thống nhất: không có

* Các tình tiết đương sự không thống nhất:

- Nguyên đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng góp vốn sử dụng trạm điện vô hiệu, buộc bị đơn phải hoàn trả số tiền đã góp vốn 150.000.000 đồng.

- Bị đơn không đồng ý với yêu cầu trả lại tiền đã góp vốn và yêu cầu bồi thường thiệt hại, ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án đều từ chối tham gia tố tụng không có lý do, nên không có quan điểm nào khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quyền hạn của mình. Việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng trình tự, thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, 35, 39, 195, 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã thực hiện chức năng nhiệm vụ, đảm bảo đúng thành phần tham gia phiên tòa. Thủ tục tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Quan điểm về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn vô hiệu. Về xử lý hậu quả giao dịch dân sự vô hiệu, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 150.000.000 đồng. Về xác định lỗi, hai bên đều có lỗi để giao dịch vô hiệu, nguyên đơn không yêu cầu bồi thường, bị đơn cố tình vắng mặt, từ chối tham gia tố tụng nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật và thay đổi yêu cầu khởi kiện: nguyên đơn anh Hoàng Quốc T khởi kiện đối với bị đơn anh Hoàng Quốc V1 về việc "yêu cầu hủy hợp đồng góp vốn, buộc bị đơn hoàn trả tiền đã góp, do bị đơn tự ý chấm dứt hợp đồng không đúng thỏa thuận và yêu cầu bồi thường thiệt hại" Tòa án xác định đây là quan hệ "tranh chấp hợp đồng góp vốn". Tuy nhiên, căn cứ vào nội dung, mục đích giao dịch và tài liệu có trong hồ sơ, xét thấy trạm điện thuộc sở hữu của bị đơn Đỗ Quốc V, bị đơn nhận chuyển nhượng lại từ Công ty cổ phần C, không xây dựng mới, nguyên đơn góp tiền cho bị đơn là để được quyền sử dụng khai thác điện năng của trạm điện, phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đây là mối quan hệ giữa "bên cung cấp quyền sử dụng hạ tầng trạm điện" và "bên sử dụng dịch vụ hạ tầng cung cấp điện" là "tranh chấp hợp đồng dịch vụ" thuộc trường hợp quy định tại Điều 513 của Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật là "tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng dịch vụ vô hiệu" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Bị đơn anh Đỗ Quốc V có nơi cư trú tại thôn Đ, xã Q, tỉnh Quảng Ninh, căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: bị đơn anh Đỗ Quốc V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ ba, vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Về áp dụng pháp luật chuyên ngành: các đương sự thực hiện thỏa thuận vào tháng 8/2023, nên áp dụng Luật Điện lực (sửa đổi, bổ sung năm 2022) và các văn bản hướng dẫn thi hành tại thời điểm xác lập giao dịch dân sự để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung khởi kiện.

[2.1] Xét giao dịch được giao kết giữa hai đương sự: anh Đỗ Quốc V là chủ sở hữu trạm biến áp 560KVA-35/0,4kv, địa chỉ tại xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Ngày 31/8/2023, do có nhu cầu sử dụng điện cho xưởng sản xuất nhựa, anh T làm việc với anh V để thỏa thuận sử dụng chung trạm biến áp, anh V đồng ý và yêu cầu anh T góp 300.000.000 đồng, mục đích anh T góp tiền là để được quyền khai thác điện năng. Sau khi thỏa thuận, anh T đã đưa cho anh V 03 lần, với tổng số tiền là 150.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận bằng miệng, không lập văn bản. Theo quy định tại Điều 513 của Bộ luật Dân sự 2015 thì Hợp đồng dịch vụ không bắt buộc bằng văn bản, tuy nhiên việc sử dụng trạm biến áp và hệ thống lưới điện phụ trợ giữa chủ sở hữu trạm điện anh Đỗ Quốc V với cá nhân khác phải tuân thủ các quy định của Luật Điện lực và các điều khoản trong Hợp đồng mua bán điện giữa Tổng công ty Đ (EVNNPC) với anh Đỗ Quốc V.

Khoản 1 Điều 177 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *"Giao dịch dân sự có*

hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

a)…

c) Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội".

Điều 514 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *"Đối tượng của hợp đồng dịch vụ là công việc có thể thực hiện được, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội".*

Khoản 2 Điều 7 của Luật Điện lực (sửa đổi, bổ sung năm 2022) quy định: *Các hành vi bị cấm trong hoạt động điện lực và sử dụng điện:*

1...

2. Hoạt động điện lực không có giấy phép theo quy định của Luật này.

Tại điểm g khoản 15.2 Điều 15 của Hợp đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt số: 23000086/EVN *NPC*/HĐMBĐNMĐSH ngày 17/7/2023 được ký kết giữa Tổng công ty Đ (EVNNPC) và anh Đỗ Quốc V quy định:

"Các hành vi vi phạm hợp đồng của bên B gồm:

a.

...

g. Tự ý cung cấp điện cho cá nhân hoặc tổ chức khác sử dụng.

Theo quy định của Luật Điện lực và được cụ thể bằng điều khoản trong đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt giữa Tổng công ty Đ (EVNNPC) và anh Đỗ Quốc V, thì việc anh V tự ý cung cấp điện cho anh T khi không có giấy phép là vi phạm điều cấm của pháp luật.

Điều 123 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định về giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội:*"Giao dịch dân sự có mục đích, nội dung vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội thì vô hiệu. Điều cấm của luật là những quy định của luật không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định".*

Như vậy, giao dịch dịch vụ cung cấp điện giữa anh Đỗ Quốc V và anh Hoàng Quốc T ngày 31/8/2023 vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật. Trong quá trình thực hiện thỏa thuận, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện nghĩa vụ nộp tiền điện mã khách hàng PA03DH0010687 Đỗ Quốc V từ tháng 8 đến tháng 12/2023 đều được anh T thanh toán đầy đủ bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản số 102873005887 ngân hàng TMCP C1 mang tên Đỗ Quốc V, ý kiến phản đối của bị đơn về việc nguyên đơn sử dụng điện vượt quá số tiền điện mà không trả, là không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng dịch vụ ngày 31/8/2023 vô hiệu là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu: nguyên đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu của do vi phạm điều cấm, nên căn cứ khoản 3 Điều 132 của Bộ luật Dân sự thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu không bị hạn chế.

[2.3] Xét hậu quả hợp đồng vô hiệu, Điều 131 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu:

"1. Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập.

2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận...

...

4. Bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường".

Do hợp đồng dịch vụ cung cấp điện giữa nguyên đơn và bị đơn vô hiệu, nên các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho những gì đã nhận, cụ thể: bị đơn Đỗ Quốc V hoàn trả cho nguyên đơn Hoàng Quốc T số tiền 150.000.000 đồng. Xét về lỗi, các bên tham gia hợp đồng đều có lỗi như nhau làm cho hợp đồng vô hiệu. Nguyên đơn không yêu cầu bồi thường thiệt hại, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn từ chối tham gia tố tụng, tại phiên tòa vắng mặt không có lý do, việc bị đơn cố tình không tham gia tố tụng là tự làm mất quyền tranh tụng, quyền tự trình bày chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích của mình tại phiên tòa. Do đó, việc yêu cầu bồi thường thiệt hại Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[3] Về chi phí tố tụng: nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 117; Điều 122; Điều 123; Điều 129; Điều 131; Điều 132; Điều 357; Điều 468; Điều 513; Điều 514 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 7 của Luật Điện lực (sửa đổi, bổ sung năm 2022);

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng dịch vụ cung cấp điện ngày 31/8/2023 giữa anh Hoàng Quốc T và anh Đỗ Quốc V vô hiệu.

Buộc bị đơn anh Đỗ Quốc V phải trả lại cho anh Hoàng Quốc T số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày anh Hoàng Quốc T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, mà anh Đỗ Quốc V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.490.000đ (bảy triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000690 ngày 05/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án này, được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36 của Luật Thi hành án dân sự 2025, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự 2025.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát KV4 - Quảng Ninh;
- Phòng THADSKV4 - Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đình Khoa